

Bản án số: **192/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/8/2025

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đỗ Tiến Bình

2/ Ông Nguyễn Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 348/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 27/01/1980 (có mặt)

CCCD số: 058180000007 do Cục C về TTXH cấp ngày 02/11/2021.

Địa chỉ: G X, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Ông Trương Ngọc T, sinh ngày 07/12/1974 (có mặt)

CCCD số: 058074000009 do Cục C về TTXH cấp ngày 15/01/2022.

Địa chỉ: G X, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông Trương Ngọc T có đăng ký kết hôn và được UBND phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89, quyển số 01/2001, ngày 20/9/2001. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, công việc. Trước đây, bà và ông

T đã từng nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn hai lần nhưng sau khi hòa giải tại Tòa án thì ông bà đã rút đơn để về hàn gắn, xây dựng gia đình nhưng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung. Do đó, nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân hai bên không đạt được nên bà nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Ngọc T.

Về con chung: Có chung 02 người con tên Trương Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 26/10/2002 – đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 29/7/2019. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Đ, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trương Ngọc T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn và được UBND phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89, quyển số 01/2001, ngày 20/9/2001. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông đồng ý, tuy nhiên ông có ý kiến là bà H cần phải cùng ông giải quyết vấn đề tài sản trước khi ly hôn.

Con chung: Có chung 02 người con tên Trương Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 26/10/2002 và Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 29/7/2019. Về phần con chung ông chưa có ý kiến.

Tài sản chung: Đề nghị phân chia tài sản trước khi ly hôn.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông T; Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 29/7/2019, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Đã thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Ngọc T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà H do vợ chồng không có mâu thuẫn; Về con chung: ông đồng ý giao con chung chưa thành niên là trẻ Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 29/7/2019, đồng ý với trình bày của bà H về cấp dưỡng; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H xin ly hôn với ông Trương Ngọc T cư trú tại địa chỉ 7 X, Phường D, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn 89, quyển số 01/2001, ngày 20/9/2001 do UBND phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Trương Ngọc T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T, vì mâu thuẫn kéo dài, bất đồng quan điểm về cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện bà H phải giải quyết xong phần tài sản với ông trước, tuy nhiên ông không có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa, hai bên xác định tài sản chung đã ra công chứng giải quyết xong, tuy nhiên ông T lại không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà H và ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương nhau, những mâu thuẫn giữa vợ, chồng sâu sắc đến mức không thể hòa giải được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 26/10/2002 – đã thành niên và Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 29/7/2019. Xét hai bên thỏa thuận thống nhất giao con chung chưa thành niên là trẻ Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 29/7/2019 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận. Do bà H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi trẻ Đ nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông T.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Trương Ngọc H1.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 29/7/2019, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Trương Ngọc T do bà H không có yêu cầu.

* Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0080734 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSNDKV4-TPHCM;
- Phòng THSKV\$-TPHCM;
- UBND phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

Trần Thanh Vân